

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 216/2025/DS-ST

Ngày: 20-10-2025

V/v: Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa
vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Bình Hoà;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 945/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn T T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, đường H, Tổ 4, Khu phố 4, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số B, đường N, Tổ 42, khu phố P 6, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 15/10/2024), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Đức L, sinh năm 1991, vắng mặt;

2. Ông Trần Đức P, sinh năm 1995, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số V, đường L, Tổ 11, khu phố P Lợi 2, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà H, sinh năm 1933; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, tỉnh Ninh Bình (đã chết ngày 31/10/2024).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H: Ông Th, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

2. Ông Vu Ngoc T1, sinh năm 1961; địa chỉ: Số D, đường L, khu phố P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Công ty TNHH P; trụ sở: Số E, đường L, Tổ 10, khu phố L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. Ngân hàng A; trụ sở: Số F, đường K, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Thửa đất số 332, 333, 334, tờ bản đồ số 59, Khu phố 7, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một; trụ sở: đường Thích Quảng Đức, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh).

Cơ quan kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở: Số 372A, đường Nguyễn Văn Lượng, phường An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyen T T và ông Tran Van V có mối quan hệ quen biết. Năm 2022, ông V cần tiền kinh doanh nên hỏi vay tiền ông T nhiều lần, cụ thể:

+ Ngày 16/7/2022, ông T cho ông V vay số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 05 tháng, lãi suất là 2%/tháng. Ông V đã trả được cho ông T 05 tháng tiền lãi là 150.000.000 đồng.

+ Ngày 14/9/2022, ông T cho ông V vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, lãi suất là 1,5%/tháng.

+ Ngày 24/9/2022, ông T cho ông V vay 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), thời hạn vay 03 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng.

Các khoản vay ông Tran Van V đều đúng lãi đúng hạn. Hạn trả nợ của các khoản vay là cuối tháng 12 năm 2022 nhưng chuẩn bị đến ngày trả nợ gốc thì ông V chết.

Sau khi ông Tran Van V chết, ông Nguyen T T nhiều lần liên lạc với các con ông V là ông Tran Duc P và ông Tran Duc L yêu cầu trả nợ thay cho ông V nhưng không được gia đình ông V trả nợ.

Ông Tran Van V để lại di sản là số tiền 1.757.257.475 đồng (trong đó ông Tran Duc L nhận 878.637.728 đồng và ông Tran Duc P nhận 878.637.728 đồng), theo Công văn số 505/THADS ngày 16/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, ông Nguyen T T yêu cầu ông Tran Duc L và

ông Tran Duc P là người thừa kế và nhận di sản do ông V để lại phải thực hiện nghĩa vụ của ông V để lại, trả cho ông T số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và lãi suất tính từ tháng 01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 10%/năm.

** Bị đơn ông Tran Duc P trình bày:*

Ông Tran Duc P không biết việc ông Tran Van V nợ tiền ông Nguyen T T và không tham gia quá trình vay mượn tiền giữa ông Tran Van V với ông Nguyen T T.

Di sản của ông Tran Van V hầu hết đã bị T lý và trả nợ. Ông Tran Duc P không nhận được bất kỳ tài sản nào của ông Tran Van V để lại. Do đó, ông P không có nghĩa vụ thực hiện trả nợ cho ông Nguyen T T đối với khoản nợ 3.000.000.000 đồng cùng các khoản lãi mà ông T yêu cầu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:*

Đối với Quyết định thi hành án số 946/QĐ-CCTHADS ngày 14/03/2023: Nội dung cho thi hành khoản: Ông Tran Duc L, sinh năm 1991 và ông Tran Duc P, sinh năm 1995 (thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tran Van V), cùng địa chỉ: Số V, đường L, Tổ 11, khu phố P Lợi 2, phường P có trách nhiệm trả cho ông Vu Ngoc T1, sinh năm 1961; địa chỉ: Số D, đường L, khu phố P, phường L, thành phố T tổng số tiền 2.762.500.000 đồng.

- Do ông Tran Duc L và ông Tran Duc P không thực hiện thi hành nghĩa vụ phải thi hành án, Chấp hành viên đã kê biên, xử lý tài sản: Quyền sử dụng đất diện tích 166,5m² (trong đó có 100m² đất ở tại đô thị, 66,5m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất có nợ tiền sử dụng đất) và một số tài sản trên đất như sau: 01 căn nhà cấp 4, 03 tầng (nhà đã được cấp quyền sở hữu) có diện tích xây dựng 63,76m², diện tích sàn 196,06m², 01 căn nhà trệt có diện tích 85m² (có 46,8m² phạm chỉ giới xây dựng). Toàn bộ tài sản trên P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Trên cơ sở bán đấu giá tài sản của người phải thi hành án lần thứ 14 theo Thông báo số 2849/TB-CCTHADS ngày 25/9/2024 và sau khi đã thực hiện việc giảm giá 13 lần theo quy định và được công khai thông báo bán đấu giá với tổng số tiền 4.658.920.346 đồng. Hết thời hạn đăng ký nhưng không có khách hàng tham gia đăng ký, tham gia đấu giá và người được thi hành án là ông Vu Ngoc T1 có đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án theo khoản 2 Điều 104 Luật thi hành án dân sự. Trong đó, ông T phải nộp số tiền chênh lệch khi nhận tài sản là: 1.896.420.346 đồng. Được phân phối như sau: T toán mảng trích đo địa chính: 3.966.482 đồng, chi phí bán đấu giá không thành: 42.000.000 đồng; tạm giữ 2% thuế thu nhập cá nhân: 93.178.407 đồng; T toán cho ông T: 2.762.500.000 đồng. Số tiền còn lại là 1.757.257.475 đồng T toán cho ông L và ông P mỗi người ½ số tiền là: 878.637.728 đồng.

Đối với Quyết định thi hành án số 2088/QĐ-CCTHADS ngày 21/8/2023 và Quyết định thi hành án số 40/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2023: Nội dung cho thi hành khoản:

1. Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P), trụ sở: Số E, đường L, Tổ 10, khu phố L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương phải nộp 57.230.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

2. Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P), trụ sở: Số E, đường L, Tổ 10, khu phố L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương có nghĩa vụ T toán cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 17/7/2023 là: 6.461.416.283 đồng, trong đó nợ gốc là: 5.950.000.000 đồng, lãi trong hạn: 394.923.891 đồng, lãi quá hạn: 106.955.342 đồng, phạt chậm trả lãi: 9.537.050 đồng.

2.1. Kể từ ngày 18/7/2023, số tiền lãi, phạt, phí còn tiếp tục phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên, Ngân hàng A sẽ thu hồi cho đến khi thu được hết toàn bộ số nợ theo quy định.

2.2. Trường hợp Công ty TNHH P không T toán hoặc T toán không đầy đủ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Công ty TNHH P có trách nhiệm T toán toàn bộ số tiền còn nợ. Trường hợp Công ty TNHH P không T toán được thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 246, tờ bản đồ số 294 diện tích 516m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG730821, sổ vào sổ cấp GCN: CS11334 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/9/2022 cho ông Tran Van V để T toán các khoản tiền còn nợ và các khoản phí phát sinh.

2.3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH P có trách nhiệm T toán lại cho Ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng.

Do các ông bà có tên nêu trên chưa thực hiện các nghĩa vụ phải thi hành án của mình. Chấp hành viên đã thực hiện kê biên, xử lý tài sản là: Toàn bộ quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 246, tờ bản đồ số 294 diện tích 516m² theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG730821, sổ vào sổ cấp GCN: CS11334 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/9/2022 cho ông Tran Van V.

Căn cứ công văn số 405/TB-CL ngày 09/5/2025 của Công ty đấu giá hợp danh Công Lập về việc đấu giá thành tài sản của ông Tran Van V và ông Tran Duc L, Tran Duc P (là người đại diện hợp pháp của ông V) để đảm bảo cho việc thi hành án và người mua trúng tài sản là ông Bùi Xuân P, sinh năm 1985; địa chỉ: Số X, Bình Phước B, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương với số tiền mua trúng đấu giá là: 6.128.000.000 đồng, tiền mua hồ sơ: 500.000 đồng. Tổng cộng là 6.128.500.000 đồng. Được phân phối như sau: nộp án phí dân sự sơ thẩm: 57.230.000 đồng; T toán tiền lập mảng trích đo địa chính: 361.136 đồng; chi phí thẩm định giá: 36.493.383 đồng; chi phí bán đấu giá: 66.578.965 đồng; tạm giữ 2% thuế thu nhập cá nhân: 122.560.000 đồng; T toán cho Ngân hàng A: 5.845.276.516 đồng (còn nợ Ngân hàng).

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn ông Tran Duc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

gồm: ông Vu Ngoc T1, Công ty TNHH P, Ngân hàng A, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà H nhưng các đương sự có tên nêu trên vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu gì đối với vụ án.

*** Tại phiên tòa:**

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc các bị đơn trả lãi suất số tiền 577.000.000 đồng. Ông Nguyen T T yêu cầu ông Tran Duc L và ông Tran Duc P thực hiện nghĩa vụ do ông Tran Van V để lại, có trách nhiệm trả cho ông Nguyen T T số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và đồng ý trừ số tiền 25.000.000 đồng mà ông V đã trả lãi vượt quá quy định vào số tiền gốc.

- Bị đơn ông Tran Duc L, Tran Duc P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Vu Ngoc T1, Công ty TNHH P, Ngân hàng A, Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án: Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định.

1.2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu các bị đơn trả số tiền lãi là 577.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyen T T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Tran Duc L, Tran

Duc P là những người thừa kế của ông Tran Van V thực hiện nghĩa vụ do ông V chết để lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Các bị đơn có nơi cư trú tại phường P Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Bị đơn ông Tran Duc L và ông Tran Duc P; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Vu Ngoc T1, Công ty TNHH Đức P, Ngân hàng A, Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ các điều 227, 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[1.3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 577.000.000 đồng, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyen T T yêu cầu người thừa kế của ông Tran Van V là ông Tran Duc L và ông Tran Duc P có trách nhiệm trả cho ông T số tiền nợ gốc là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp các Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 16/7/2022, 14/9/2022, 24/9/2022 có chữ ký, ghi họ tên và dấu lăn tay của ông Tran Van V; hình ảnh giao nhận tiền giữa ông Nguyen T T và ông Tran Van V; các tin nhắn trao đổi giữa ông Nguyen T T với ông Tran Van V và ông Tran Duc P về việc T toán nợ. Bị đơn ông Tran Duc P khai không biết việc vay mượn tiền giữa ông Tran Van V với ông Nguyen T T, ông P không nhận bất kỳ tài sản nào của ông V để lại, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông Tran Duc L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

[2.2] Ông Nguyen T T trình bày có cho ông Tran Van V vay số tiền gốc 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), cụ thể: Ngày 16/07/2022, ông T cho ông Tran Van V vay số tiền 1.500.000.000 đồng, hai bên thoả thuận thời hạn cho vay là 05 tháng, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay tiền kinh doanh cá nhân; Ngày 14/9/2022, ông T cho ông V vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất là 1,5%/tháng; Ngày 24/9/2022, ông T cho ông V vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất hai bên thoả thuận là 1,5%/tháng. Xét thấy, các hợp đồng cho vay đều có chữ ký, chữ viết và dấu lăn tay của ông Tran Van V. Quá trình giải quyết vụ án, ông Tran Duc P trình bày không biết việc vay tiền giữa ông V với ông T, tuy nhiên theo các tin nhắn giữa

ông Nguyễn T T với ông Trần Văn V trước khi chết có thể hiện nội dung ông T yêu cầu ông V trả nợ và trao đổi giữa ông V với ông T về phương án trả nợ cho ông T; sau khi ông V chết thì ông Nguyễn T T có liên hệ với ông Trần Đức P là con trai ruột ông V để trao đổi về phương án trả nợ. Như vậy, có căn cứ xác định ông Trần Văn V có vay của ông Nguyễn T T số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án những người thừa kế của ông Trần Văn V không cung cấp được chứng cứ ông Trần Văn V đã trả nợ cho ông Nguyễn T T nên có căn cứ xác định ông Trần Văn V chưa trả toàn cho ông Nguyễn T T số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày đối với số tiền vay ngày 16/7/2022, ông Trần Văn V đã trả được cho nguyên đơn 05 tháng tiền lãi là 150.000.000 đồng, theo mức lãi suất 2%/tháng. Xét thấy, theo nội dung hợp đồng cho vay ngày 16/7/2022, hai bên không thể hiện mức lãi suất nhưng phía dưới hợp đồng cho vay có nội dung “đã khấu trừ % lãi 05 tháng = 150.000.000 đồng”, nội dung này phù hợp với lời thừa nhận của nguyên đơn nên có căn cứ xác định lãi suất ông Nguyễn T T đã cho ông Trần Văn V vay theo hợp đồng ngày 16/7/2022 là 2%/tháng. Việc nguyên đơn cho ông Trần Văn V vay tiền với lãi suất 2%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất là 1,66%/tháng x 5 tháng x 1.500.000.000 đồng = 125.000.000 đồng; đối với số tiền lãi vượt quá quy định là 25.000.000 đồng sẽ được trừ vào số tiền gốc mà ông T đã cho ông V vay. Như vậy, tổng số tiền ông Trần Văn V còn nợ ông Nguyễn T T là 2.975.000.000 đồng.

[2.4] Căn cứ Trích lục khai tử số 945/TLKT-BS ngày 23/12/2000 của Ủy ban nhân dân phường P Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thể hiện ông Trần Văn V đã chết vào ngày 22/12/2022.

[2.4.1] Căn cứ các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Cha ông Trần Văn V là cụ Trần Văn V (đã chết năm 2001), mẹ là cụ H (chết ngày 01/11/2024); vợ ông V là bà Lã Thị T (đã chết ngày 04/5/2022). Ông Trần Văn V và bà Lã Thị T có 02 người con gồm ông Trần Đức L, sinh năm 1991 và ông Trần Đức P, sinh năm 1995. Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn V gồm cụ H, ông Trần Đức L và ông Trần Đức P.

[2.4.2] Ngày 01/11/2024, cụ H chết. Theo Công văn số 02/UBND-TP ngày 20/3/2025, UBND xã Hiên Khánh cung cấp: Bố, mẹ, chồng của cụ H đã chết. Cụ H có những người con sau: ông Trần Văn V (đã chết), ông Trần Văn Q, bà Trần Thị H, ông Trần Văn C, ông Trần Văn Q, ông Th. Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm: ông Trần Văn Q, bà Trần Thị H, ông Trần Văn C, ông Trần Văn Q, ông Th.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án xác định, ông Trần Văn V được cấp quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với các tài sản sau:

[2.5.1] Quyền sử dụng đối với diện tích đất 166,5m² (trong đó có 100m² đất ở tại đô thị 66,5m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất có nợ tiền sử dụng đất) thuộc thửa 299, tờ bản đồ số 29-1 (số tờ bản đồ mới 291), tọa lạc tại phường P Lợi,

Thành phố Hồ Chí Minh và các tài sản gắn liền với đất như sau: 01 căn nhà cấp 4, 03 tầng (nhà đã được cấp quyền sở hữu) có diện tích xây dựng 63,76m² diện tích sàn 196,06m²), 01 căn nhà trệt có diện tích 85m² (có 46,8m² phạm chỉ giới xây dựng). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD192582, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00964 do UBND thị xã Thủ Dầu Một cấp ngày 14/01/2011 cho bà Lã Thị T và ông Tran Van V; ngày 17/8/2022, chỉnh lý biên động sang tên ông Tran Van V. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã kê biên và thực hiện thủ tục bán đấu giá đối với thửa đất số 299 để thi hành nghĩa vụ của ông Tran Van V theo Quyết định thi hành án số 946/QĐ-CCTHADS ngày 14/3/2023. Kết quả bán đấu giá thửa đất 299 được số tiền 4.658.920.346 đồng. Sau khi thực hiện nghĩa vụ thi hành án và trừ các khoản phí, thuế còn dư số tiền 1.757.257.475 đồng, số tiền này được Cơ quan thi hành án chia cho ông Tran Duc L và ông Tran Duc P mỗi người 878.637.728 đồng.

[2.5.2] Quyền sử dụng đất diện tích 516m² thuộc thửa số 246, tờ bản đồ số 294 toạ lạc tại phường P Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG730821, số vào sổ cấp GCN: CS11334 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/9/2022 cho ông Tran Van V. Thửa đất này ông Tran Van V thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH P tại Ngân hàng A. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đã kê biên và thực hiện thủ tục bán đấu giá tài sản đối với thửa đất số 246 để thi hành nghĩa vụ của Công ty TNHH Đức P theo Quyết định thi hành án số 2088/QĐ-CCTHADS ngày 21/8/2023 và Quyết định thi hành án số 43/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2023. Kết quả bán đấu giá được số tiền 6.128.000.000 đồng. Sau khi thực hiện nghĩa vụ thi hành án và trừ các khoản phí, thuế thì số tiền bán đấu giá thửa đất 246 đã hết.

[2.5.3] Quyền sử dụng đất diện tích 38,8m² thuộc thửa số 281, tờ bản đồ số 29-3, toạ lạc tại phường P Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY033060, số vào sổ cấp GCN: CS09866 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/10/2020 cho ông Tran Van V và bà Lã Thị T. Ngày 29/10/2020 đã chuyển nhượng sang tên cho bà Trần Thị T T.

Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm di sản do ông Tran Van V để lại là số tiền 1.757.257.475 đồng. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đã giao cho ông Tran Duc P và ông Tran Duc L mỗi người 878.637.728 đồng.

[2.5.4] Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác*” và “*Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thoả thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại*”. Căn cứ theo Công văn số 505/THADS(15) ngày 16/9/2025

của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 1.757.257.475 đồng mà ông Tran Van V để lại được chia cho ông Tran Duc L và ông Tran Duc P mỗi người 878.637.728 đồng. Do đó, ông Tran Duc L và ông Tran Duc P phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông Tran Van V để lại, có trách nhiệm trả cho ông Nguyen T T số tiền 2.975.000.000 đồng trong phạm vi di sản do ông V để lại.

[3] Từ những phân tích nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyen T T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Tran Duc L, Tran Duc P phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông Tran Van V để lại, có trách nhiệm trả cho ông Nguyen T T số tiền 2.975.000.000 đồng trong phạm vi di sản do ông V để lại là số tiền 1.757.257.475 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyen T T phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 6.296.618 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng ông T đã nộp tại Tòa án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; ông Tran Duc L và ông Tran Duc P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 91.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điều 217, 227, 228, 229, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ các điều 463, 466, 615, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyen T T về việc buộc các bị đơn ông Tran Duc L và ông Tran Duc P phải trả số tiền lãi là 577.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyen T T đối với các bị đơn ông Tran Duc L, ông Tran Duc P về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”:

- Buộc ông Tran Duc L và ông Tran Duc P thực hiện nghĩa vụ do ông Tran Van V để lại, trả cho ông Nguyen T T số tiền nợ gốc là 2.975.000.000đ (hai tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng) trong phạm vi di sản thừa kế ông Tran Van V để lại.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyen T T phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 6.296.618đ (sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm mười tám đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng ông T đã nộp tại Toà án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Tran Duc L và ông Tran Duc P phải chịu án phí sơ thẩm là 91.500.000đ (chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho ông Nguyen T T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.770.000đ (năm mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003360 ngày 29/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga

